

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/DS-ST
Ngày: 30- 11 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền;
2. Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công- là thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2020/TLST-DS, ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Kim H, sinh năm 1979. (có mặt).

Địa chỉ: Đường Hùng Vương, khu phố 1, Phường 3, thị xã KT, Long An.

2. Bị đơn: Ông Đặng Thanh Nh, sinh năm 1965. (có mặt).

Địa chỉ: Đường Châu Văn Liêm, khu phố 1, Phường 3, thị xã KT, Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và phần trình bày của nguyên đơn, bà Hồ Thị Kim H trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Bà Hồ Thị Kim H yêu cầu ông Đặng Thanh Nh trả số tiền nợ vay 10.500.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Về căn cứ khởi kiện: Vào ngày 08/5/2018 bà H cho ông Nh vay 34.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 1 tháng với lãi suất 3%/tháng có làm giấy vay. Ông Nh vay để mua hàng về làm. Đến thời hạn ông Nh không trả nợ, đến ngày 08/5/2019 thì tính số tiền lãi là 12.240.000 đồng, khi đó ông Nh nói nếu lấy lãi 8.000.000 đồng thì ông sẽ trả ngay 30.000.000 đồng, còn lại sẽ trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, bà cũng đồng ý nên các bên thống nhất số nợ gốc và lãi là 42.000.000 đồng, ông Nh trả 30.000.000 đồng, còn 12.000.000 đồng hẹn mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, ông Nh có làm giấy biên nhận và ký tên (do làm lại giấy mới nên giấy cũ bà đã bỏ đi không còn

giữ). Sau đó ông Nh không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ cho mặc dù bà đã yêu cầu nhiều lần, đến hết thời hạn 12 tháng ông Nh có trả cho bà được 1.500.000 đồng vào ngày 16/6/2020 (trả 1.000.000 đồng), ngày 16/7/2020 trả 500.000 đồng. Còn lại đến nay không thanh toán nữa.

Về tiền lãi trước đây các bên đã thống nhất là 8.000.000 đồng, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì về tiền lãi và lãi suất.

Bà xác định chỉ yêu cầu một mình ông Nh trả nợ, yêu cầu trả ngay 01 lần hết số nợ, không đồng ý cho trả dần, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Đặng Thanh Nh trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ông Nh thống nhất trả cho bà H số tiền nợ 10.500.000 đồng, tuy nhiên điều kiện khó khăn nên chỉ xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Về nội dung tranh chấp như sau: Ông vay tiền của bà H vào tháng 9/2019 (không phải năm 2018 vì theo ông thời gian vay tiền là sau thời gian vợ ông đi khám bệnh ngày 11/01/2019), số tiền vay 34.000.000 đồng có làm giấy vay do bà H giữ giấy, lãi suất 3%/tháng, mục đích vay tiền để trang trải nợ nần, thời hạn vay 03 tháng nhưng do vợ ông bị bệnh nên kéo dài đến tháng 5/2020 ông mới trả được 30.000.000 đồng, tiền lãi tính ra là hơn 8.000.000 đồng nhưng thỏa thuận chỉ tính 8.000.000 đồng, tổng cộng là 42.000.000 đồng. Sau khi trả 30.000.000 đồng thì số tiền nợ còn lại là 12.000.000 đồng (trong đó gốc 4.000.000 đồng, lãi 8.000.000 đồng), khi đó ông có viết giấy biên nhận và ký tên đề nhầm ngày 08/5/2020 thành ngày 08/5/2019.

Sau đó ngày 16/6/2020 ông trả được 1.000.000 đồng, ngày 16/7/2020 trả tiếp 500.000 đồng, tổng số tiền trả là 1.500.000 đồng (số nợ còn lại là 10.500.000 đồng) do dịch bệnh, con ông chưa có tiền cho nên ông có nói với bà H để tháng kế tiếp tôi sẽ trả 1.500.000 đồng nhưng bà H không đồng ý và đi thưa kiện.

Quá trình vay tiền (nhận tiền vay, trả tiền và làm giấy) chỉ có ông và bà H ngoài ra không có ai chứng kiến. Nay ông đồng ý trả số nợ 10.500.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật nên ông chỉ đồng ý trả cho bà H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hồ Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ông Đặng Thanh Nh trả tiền nợ vay. Bị đơn có địa chỉ tại Phường 3, thị xã KT nên căn cứ vào Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

[2] Về phạm vi giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà H khởi kiện và chỉ yêu cầu ông Nh trả 10.500.000 đồng tiền nợ vay, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Các vấn đề đã thống nhất: Bà H và ông Nh đều thống nhất ông Nh còn nợ bà H số tiền 10.500.000 đồng, do các đương sự đều thừa nhận nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vấn đề chưa thống nhất: Bà H trình bày ngày 08/5/2018 cho ông Nh vay 34.000.000 đồng, đến 08/5/2019 thì thống nhất số tiền nợ gốc và lãi là 42.000.000 đồng, ông Nh trả 30.000.000 đồng, còn lại 12.000.000 đồng thỏa thuận mỗi tháng trả 1.000.000 đồng tính từ ngày 08/5/2019, ông Nh có viết giấy nhận nợ và cam kết trả, đến nay đã quá hạn nhưng chỉ mới trả được 1.500.000 đồng nên số nợ còn lại là 10.500.000 đồng. Ngược lại bị đơn ông Nh trình bày thống nhất có vay 34.000.000 đồng của bà H nhưng vay vào tháng 9/2019 (không phải tháng 5/2018), đến ngày 08/5/2020 thì thỏa thuận nợ gốc và lãi là 42.000.000 đồng, ông trả trước 30.000.000 đồng, còn lại là 12.000.000 đồng thỏa thuận trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, có viết giấy nhận nợ nhưng đề nhầm ngày 08/5/2020 thành ngày 08/5/2019.

Xét thấy, bản chính giấy biên nhận mà bà H cung cấp có nội dung thỏa thuận số tiền ông Nh còn nợ là 12.000.000 đồng cam kết mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, ông Nh thừa nhận giấy biên nhận do chính ông viết và đề ngày 08/5/2019 nhưng cho rằng đề nhầm năm (theo ông phải là năm 2020), lời trình bày trên không được nguyên đơn bà H thừa nhận, trong khi ông Nh cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc nhầm lẫn, khi viết giấy cũng không có ai chứng kiến. Do đó, căn cứ vào tài liệu trên thì thời gian các bên xác nhận lại số nợ 12.000.000 đồng và thỏa thuận trả mỗi tháng 1.000.000 đồng là vào ngày 08/5/2019.

Đến nay đã quá thời hạn nhưng ông Nh chỉ mới trả được cho bà H số tiền 1.500.000 đồng, còn lại chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó bà H khởi kiện yêu cầu ông Nh trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Về phương thức và thời hạn trả nợ: Bà H yêu cầu bị đơn trả một lần hết số nợ. Ngược lại bị đơn ông Nh đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Yêu cầu trả dần của ông Nh không được bà H đồng ý. Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn ông Nh phải thanh toán số tiền trên như nguyên đơn yêu cầu.

Về lãi suất và tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Đặng Thanh Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Bà H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Đặng Thanh Nh.

Buộc ông Đặng Thanh Nh có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Kim H số tiền nợ vay là 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Đặng Thanh Nh phải nộp 525.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hồ Thị Kim H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Hồ Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009416 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung